

Bản án số: **80/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 28 – 8 – 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Văn Thắng.

2. Ông Trương Văn Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Cẩm D**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Liên hệ: Ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm D trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Trần Thị Cẩm D và ông Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn vào ngày 21-5-2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 04-5-2006 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09-4-2014. Hiện tại, anh L đã trưởng thành và cháu Đ đang sống chung với cha. Thời gian đầu thì vợ chồng sống rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng dần về sau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, đã hàn gắn nhưng không

được nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, bà và ông T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị Cẩm D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T;

- Về con chung: Anh Nguyễn Thành L, sinh ngày 04-5-2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09-4-2014 cho ông Nguyễn Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà Trần Thị Cẩm D không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thanh T:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 25-7-2024, cháu Nguyễn Thành Đ có nguyện vọng tiếp tục sống chung với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Cẩm D và ông Nguyễn Thanh T được ly hôn. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thành Đ cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị Cẩm D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được phép cản trở. Về cấp dưỡng cho con, về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn do không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ

luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Trần Thị Cẩm D và ông Nguyễn Thanh T đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, bà D cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc dù chưa có bản án, quyết định cho ly hôn nhưng trên thực tế thì vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình nghĩa vợ chồng, thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà Trần Thị Cẩm D và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung. Đối với con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 04-5-2006 đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị Cẩm D yêu cầu giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09-4-2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hiện nay, cháu Đ đang sống chung với ông T, tình cảm đã gắn bó với cha, điều kiện sống được đảm bảo. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu Đ có bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được sống chung với cha. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc tự định đoạt của đương sự về vấn đề con chung như trên là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên quyết định giao cháu Nguyễn Thành Đ cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị Cẩm D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết

số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm D.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm D và ông Nguyễn Thanh T được ly hôn.

- Về con chung: Đối với con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 04-5-2006 đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Giao con chung tên là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09-4-2014 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị Cẩm D không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Trần Thị Cẩm D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005249 ngày 07-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Vĩnh Phú, huyện  
Giang Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Lâm**